

THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Tuần 05: từ ngày 15/09/2025 đến ngày 21/09/2025

THỨ LỚP	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
CÁC LỚP CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY					
K10-VDTY	Sáng				
K11-VDTY	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Duyên)</i> 1 Vi sinh vật học TY (Duyên) 3	CD và ĐTH thú y (Vân) 4	KTNPTB cho chó niêo (Lệ) 4	KTTG (Nga) 4
P.E201					CD và ĐTH thú y (Vân) 4
K9-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 KT thuế (T.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	
P.E305	Chiều		KT thuế (T.Thảo) 4		Luật kinh tế (Huyền) 4
K10-KTDN	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Thuý)</i> 1 KT thuế (T.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kinh tế vĩ mô (P.Thảo) 4	Kỹ năng mềm (Dung) 2
K11-KTDN	Chiều		KT thuế (T.Thảo) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Anh văn CN (Phiên) 2
P.E305				Thống kê DN (Thuý) 4	Luật kinh tế (Huyền) 4
CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY					
TT64A1	Sáng				
P.B301	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Bình)</i> 1 Cây dược liệu (Bình) 3	Cây rau (Huệ) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây chuyên khoa (Hương) 4
TT65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hương)</i> 1 Giống cây trồng (Huyền) 4	Đất và phân bón (Hương) 4	Tin học (Thoa) 4	Sinh lý TV (Huệ) 4
P.B201	Chiều				
CN64A1	Sáng				
P.E204	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Vân)</i> 1 KTNPTB cho trâu bò (Vân) 3	Ký sinh trùng thú y (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho trâu bò (Vân) 4
CN65A1	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Lệ)</i> 1 Dược lý thú y (Lệ) 4	Giáo dục chính trị (Tài) 2 GDTC (Thuý) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4	DD và thức ăn CN (Hoà) 4
P.B202	Chiều				
CN65A3	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (H.Nga)</i> 1 Dược lý thú y (Duyên) 4	GD chính trị (Quế) 2 GDTC (Hội) 2	Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD và thức ăn CN (Quyên) 4
P.B203	Chiều				

CN65A4 P.E101	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Giáo dục QP-AN(Mạnh) 4	DD thức ăn chăn nuôi (Nga) 4		GD chính trị (Quốc) 2 Pháp luật (Nga) 2	Giải phẫu sinh lý VN (Hằng) 4
	Chiều					
LN65A P.E203	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp</i> 1 Đo đạc (Tuyệt) (P.E203) 4	An toàn lao động (Hùng) (P.E203) 2 Pháp luật (Nga) 2		Đo đạc (Tuyệt) (P.E203) 2 GDTC (Hội) 2	An toàn lao động (Hùng) (P.E203) 2 Tiếng anh (Linh) 2
		Các môn Tiếng anh, GD chính trị, Pháp luật, GDTC học ghép cùng lớp KTDN65A1 tại P. B103				
KTDN64A1 P.B101	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoa)</i> 1 Kế toán DN 2 (P.Thảo) 3	Thống kê doanh nghiệp (Thủy) 4	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Kế toán DN 2 (P.Thảo) 4
KTDN64A2 P.B102	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Thủy)</i> 1 Kế toán DN 2 (Dung) 3	Thuế (P.Thảo) 4	KTNS xã phường (Hoa) 4	Thống kê DN (Thủy) 4	Kế toán DN 2 (Dung) 4
KTDN65A1 P.B103	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dung)</i> 1 Lý thuyết KT (Q.Mai) 4	Kinh tế vi mô (Thủy) 2 Pháp luật (Nga) 2		Nguyên lý thống kê (Hoa) 2 GDTC (Hội) 2	Kỹ năng mềm (Dung) 2 Tiếng anh (Linh) 2
	Chiều					
KTDN65A2 P.B104	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (P.Thảo)</i> 1 Kinh tế vi mô (Thủy) 4	Kỹ năng mềm (Sơn) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2		Tiếng anh (K.Nhung) 2 GDTC (Quang) 2	Kinh tế vi mô (Thủy) 2 Nguyên lý thống kê (Hoa) 2
	Chiều					
CNTT64A1 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Quang)</i> 1 Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 3	XD phần mềm QL BH (Hà) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	QTCSĐL với Access (Phương) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4
CNTT64A2 P.TH	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (T.Thảo)</i> 1 Lập trình Window (Thảo) 3	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	QTCSĐL với Access (Phương) 4	Lắp ráp và bảo trì MT (Quang) 4	XD phần mềm QL BH (Hà) 4
CNTT65A1 P.B205	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Hà)</i> 1 Kỹ năng mềm (Sơn) 4	Tin học (Hà) 4		GD chính trị (Thắm) 2 Tiếng anh (K.Nhung) 2	Tiếng anh (K.Nhung) 2 GDTC (Thủy) 2
	Chiều					
CNTT65A2 P.B204	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Phương)</i> 1 Tiếng anh (Linh) 4	Pháp luật (Huyền) 2 GDTC (Hà) 2		Kỹ năng mềm (Sơn) 2 Tiếng anh (Linh) 2	Tin học (Phương) 4
	Chiều					
ĐCN64A1 P.E103	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Tuấn)</i> 1 Cung cấp điện (Tuấn) 3	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4	Trang bị điện (Nga) 4
ĐCN64A2 P.E104	Sáng					
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Giáp)</i> 1 KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp) 3	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	Trang bị điện (Đ.Đức) 4	Cung cấp điện (Tuấn) 4	Kỹ thuật điện tử (P.Anh) 4

ĐCN64A3 P.E102	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Hoà)</i> Trang bị điện (Nga)	1 3	KT máy lạnh và ĐHKK (Giáp)	4	Kỹ thuật điện tử (Tuấn)	4
ĐCN 64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Huyền)</i> Trang bị điện (Đ.Đức)	1 3	Kỹ thuật điện tử (Dương)	4	KT máy lạnh và ĐHKK (Huân)	4
ĐCN65A1 P.E301	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Đ.Đức)</i> Tin học (Hà)	1 4	Mạch điện (Huyền)	4	Mạch điện (Huyền)	4
	Chiều					Tiếng anh (Phiên)	2
ĐCN65A2 P.E302	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Tiến)</i> Vật liệu điện (N.Đức)	1 4	Tiếng anh (T.Nhung)	4	Tin học (Phương)	4
	Chiều					Giáo dục QP - AN (Mạnh)	4
ĐCN65B2 P.E303	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Dương)</i> Tin học (Phương)	1 4	Vẽ KT điện (N.Đức)	4	Vật liệu điện (P.Anh)	4
	Chiều					Mạch điện (Dương)	4
ĐCN65B3 P.E304	Sáng	<i>Sinh hoạt lớp (Nga)</i> Tiếng anh (K.Nhung)	1 4	Tin học (Trường)	4	An toàn điện (Hòa)	4
	Chiều					Tin học (Trường)	4
TL64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (N.Đức)</i> KTTC Công trình TL (N.Đức)	1 3	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4	Duy tu bảo dưỡng CTTL (Hoà)	4
KTDN64B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Mai)</i> Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	1 3	Kế toán doanh nghiệp 1 (Mai)	4	KTNS xã phường (T.Thảo)	4
CBBQ64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Quản lý chất lượng TS (Liên)	1 2	CB lạnh đông thủy sản (Năm)	4	Quản lý chất lượng TS (Liên)	4
KTMĐT64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Năm)</i> Động cơ đốt trong (Đồng)	1 3	Động cơ đốt trong (Đồng)	4	Động cơ đốt trong (Đồng)	4
NTTS64	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp (Liên)</i> Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh)	1 3	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh)	4	Nuôi cá trong ao nước lợ (Ảnh)	4
Các lớp K65B	Sáng						
	Chiều	<i>Sinh hoạt lớp</i> Tiếng anh (T.Nhung)	1 3	GDTC (Quang)	4	GD chính trị (Quế)	4

CÁC LỚP TRUNG CẤP HỆ CHÍNH QUY HỌC CUỐI TUẦN				
THỨ LỚP		Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
TT64A2	Sáng	Bệnh cây CK (Hương) 4	<i>Sinh hoạt lớp (Lịch)</i> 1 Cây công nghiệp (Thọ) 4	Khí tượng NN (Lịch) 4
	Chiều	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Cây dược liệu (Bình) 4	Cây rau (Huệ) 4
TT64A3	Sáng	Cây lương thực (Bình) (P. B204) 4	<i>Sinh hoạt lớp (Huệ)</i> 1 Côn trùng chuyên khoa (Huệ) 4	Giống cây trồng (Huyền) 4
TT65A2				
P.B204	Chiều	Hoá BVTV (Hương) (P.B301) 4	Cây công nghiệp (Thọ) 4	Bệnh cây đại cương (Lịch) 4
CN64A2	Sáng	Dược lý thú y (Duyên) (P.E304) 4	<i>Sinh hoạt lớp (Phượng)</i> 1 VSV - TN (Phượng) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4
CN65A2				
P.B205	Chiều	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) (P.B302) 4	KTNPTB cho lợn (Hưng) 4	KTNPTB cho gà vịt (Hoà) 4



THỜI KHOÁ BIỂU NĂM HỌC 2025 - 2026
Từ ngày 15/09/2025 đến ngày 21/09/2025

THỨ LỚP		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
VH63B1	Sáng	HDTN (Nhưng) 1	Vật lý (Dịu) 2	GDKT và PL (Đ.Thuý) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Lịch sử (Hà) 2
		Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hằng) 2	Toán (Nhưng) 2	Vật lý (Dịu) 2	Hóa học (Doan) 2
		Địa lý (Thuý) 1				
VH63B3 P.B302	Sáng	Toán (Lan Anh) 4	Lịch sử (Dự) 2 Địa lý (Quỳnh) 2	Ngữ văn (Hằng) 4	Sinh học (Phượng) 2 Toán (Lan Anh) 2	Địa lý (Quỳnh) 2 GDKT và PL (Quốc) 2
VH63B4 P.B303	Sáng	HDTN (Dự) 1	Địa lý (Linh) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2	Hóa học (Vân) 2
		Lịch sử (Dự) 3	Hóa học (Vân) 2	Sinh học (Phượng) 2	GDKT và PL (Quỳnh) 2	Toán (Nhưng) 2
VH63B6 P.B304	Sáng	Địa lý (Linh) 1	Toán (Nhưng) 2	GDKT và PL (Tài) 2	Vật lý (Hoà) 2	Toán (Nhưng) 2
		Ngữ văn (Hường) 2	Địa lý (Linh) 2	Lịch sử (Lý) 2	Ngữ văn (Hường) 2	Lịch sử (Lý) 2
		HDTN (Hoà) 1				
VH63B7 P.B305	Sáng	HDTN (Nga) 1	Toán (Quý) 2	Lịch sử (Lý) 2	GDKT và PL (Nga) 2	Lịch sử (Lý) 2
		Ngữ văn (H.Hà) 3	Vật lý (Hoà) 2	Hóa học (Vân) 2	Toán (Quý) 2	Ngữ văn (H.Hà) 2
VH63B8 P.B306	Sáng	HDTN (K.Nhưng) 1	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quỳnh) 2	Địa lý (Linh) 2	Toán (Quý) 2
		Toán (Quý) 3	Sinh học (Phượng) 2	Vật lý (Hoà) 2	Lịch sử (Dự) 2	Ngữ văn (Hường) 2
VH64B1	Sáng	HDTN (Hằng) 1	Hóa học (Doan) 2	Toán (Nhưng) 2	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hằng) 2
		Ngữ văn (Hằng) 3	Vật lý (Dịu) 2	GDKT và PL (Đ.Thuý) 2	Lịch sử (Hà) 2	Lịch sử (Hà) 2
VH64B3 P.B102	Sáng	HDTN (Vân) 1	Toán (Dương) 2	Lịch sử (Dự) 2	Địa lý (Thuý) 4	GDKT và PL (Quỳnh) 2
		Vật lý (Hoà) 2	Ngữ văn (Hường) 2	GDKT và PL (Quỳnh) 2		Toán (Dương) 2
		Hóa học (Vân) 1				
VH64B4 P.E201	Sáng	HDTN (H.Nga) 1	Ngữ văn (Hương) 2	Lịch sử (Hằng) 2	Hóa học (Hà) 2	GDKT và PL (Thắm) 2
		Địa lý (Nga) 3	Toán (Nhưng) 2	Ngữ văn (Hương) 2	Địa lý (Nga) 2	Vật lý (Dịu) 2

VH64B5 P.E202	Sáng	HDTN (Hoà) Lịch sử (Hàng)	1 3	Vật lý (Hoà) Toán (Dương)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Lịch sử (Hàng)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Hoá học (Hà)	2 2	Toán (Dương) Địa lý (Quỳnh)	2 2
VH64B6 P. B101	Sáng	HDTN (H. Hà) Địa lý (Linh)	1 3	Sinh học (Phượng) Lịch sử (Hàng)	2 2	Toán (Quý) Ngữ văn (H.Hà)	2 2	Toán (Quý) Địa lý (Linh)	2 2	Ngữ văn (H.Hà) GDKT và PL (Quyên)	2 2
VH64B8 P.E204	Sáng	HDTN (Phiên) Ngữ văn (Lý)	1 3	Hoá học (Vân) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Quỳnh) Lịch sử (Dự)	2 2	Toán (Lan Anh) Sinh học (Phượng)	2 2	GDKT và PL (Tài) Sinh học (Phượng)	2 2
VH65B1	Sáng	HDTN (Thuý) Địa lý (Thuý) GDKT và PL (Thuý)	1 2 1	Địa lý (Thuý) Hoá học (Doan)	2 2			Lịch sử (Hà) Ngữ văn (Hàng)	2 2	Toán (Hương) GDKT và PL (Thuý)	2 2
VH65B2 P.E301	Chiều	HDTN (Quyên) Ngữ văn (H.Hà) Toán (Dương)	1 2 1	Ngữ văn (H.Hà) Lịch sử (Dự)	2 2	Vật lý (Dịu) Địa lý (Thuý)	2 2	Toán (Dương) GDKT và PL (Quyên)	2 2	Vật lý (Dịu) Địa lý (Thuý)	2 2
VH65B3 P.E303	Chiều	HDTN (Quý) Toán (Quý) GDKT và PL (Thắm)	1 2 1	Địa lý (Quỳnh) Hoá học (Vân)	2 2	Toán (Quý) Vật lý (Dịu)	2 2	Ngữ văn (Lý) Hoá học (Vân)	2 2	Ngữ văn (Lý) Lịch sử (Dự)	2 2
VH65B4 P.E304	Chiều	HDTN (Mạnh) GDKT và PL (Nga) Hoá học (Vân)	1 2 1	GDKT và PL (Nga) Vật lý (Trung)	2 2	Địa lý (Thuý) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Dương)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Hoá học (Vân)	2 2
VH65B5 P.B205	Chiều	HDTN (Hương) Toán (Dương) GDKT và PL (Nga)	1 2 1	GDKT và PL (Nga) Địa lý (Linh)	2 2	Ngữ văn (Hương) Lịch sử (Nhưng)	2 2	Sinh học (Phượng) Lịch sử (Nhưng)	2 2	Địa lý (Linh) Vật lý (Dịu)	2 2
VH65B6 P.B204	Chiều	HDTN (Linh) Sinh học (Phượng) Vật lý (Trung)	1 1 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Quỳnh)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Quỳnh) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2	Vật lý (Trung) Lịch sử (Nhưng)	2 2
VH65B7 P.B104	Chiều	HDTN (Phượng) Ngữ văn (Lý)	1 3	Vật lý (Trung) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Quỳnh)	2 2	Lịch sử (Nhưng) Vật lý (Trung)	2 2	GDKT và PL (Nga) Toán (Lan Anh)	2 2
VH65B8 P.B202	Chiều	HDTN (Hường) GDKT và PL (Quyên) Toán (Lan Anh)	1 1 2	Địa lý (Linh) Lịch sử (Hàng)	2 2	GDKT và PL (Quyên) Ngữ văn (Hường)	2 2	Lịch sử (Hàng) Sinh học (Phượng)	2 2	Toán (Lan Anh) Địa lý (Linh)	2 2
VH65B9 P.B203	Chiều	HDTN (Hồng) Toán (Lan Anh) Sinh học (Hồng)	1 1 2	Lịch sử (Hàng) Toán (Lan Anh)	2 2	Địa lý (Quỳnh) GDKT và PL (Thắm)	2 2	Ngữ văn (Thiên Lý) Lịch sử (Hàng)	2 2	Địa lý (Quỳnh) Ngữ văn (Thiên Lý)	2 2

TÍNH
NG
CHIẾ
HO

VH65B10 P.B103	Chiều	HĐTN (Thắm)	1	Vật lý (Hoà)	2	Toán (Dương)	4	GDKT và PL (Thắm)	2	Địa lý (Thủy)	2
		GDKT và PL (Thắm)	1	Sinh học (Hồng)	2			Ngữ văn (Lý)	2	Ngữ văn (Lý)	2
		Lịch sử (Dự)	2								
VH65B11 P.B201	Chiều	HĐTN (Quế)	1	Toán (Quý)	2	Hóa học (Vân)	2	Toán (Quý)	2	Địa lý (Nga)	2
		Lịch sử (Hằng)	3	Ngữ văn (Hương)	2	GDKT và PL (Quế)	2	Ngữ văn (Hương)	2	Sinh học (Hồng)	2

KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG
 CAO ĐẲNG
 NÔNG NGHIỆP
 THANH HOÁ
 Hoàng Thị Thoa